

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **32/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 18 – 9 – 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn QuY
2. Ông Huỳnh Văn Đường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Bạo – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST – HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Diệu Y, sinh năm 1992 (vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* Bị đơn: Anh Phạm Lương Đình D, sinh năm 1989 (vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diệu Y trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phước vào ngày 27/10/2015, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên xúc phạm, chửi bới, không tôn trọng và đánh đập chị Y. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, chị đã về Quảng Ngãi sinh sống, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh.

*Về con chung:* Chị và anh Dcó một người con chung là Phạm Hà Linh, sinh ngày: 03/5/2016. Trong đơn khởi kiện, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Dcấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 chị yêu cầu giao cháu Linh cho anh Dđược trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Linh vẫn ở cùng anh Danh; về cấp dưỡng nuôi con thì chị không cấp dưỡng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai ngày 21/7/2020 và biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Lương Đình D trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh đồng ý với Y kiến của chị Y về thời gian đăng ký kết hôn cũng như tình trạng hôn nhân hiện tại của vợ chồng anh. Anh Dthừa nhận, trong quá trình sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên. Tuy nhiên, chị Y yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì anh Dvẫn còn yêu thương vợ, con, mong muốn chị Y cho anh cơ hội để sửa đổi, xây dựng gia đình hạnh phúc.

*Về con chung:* Anh đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hà Linh, sinh ngày: 03/5/2016 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Dkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Y kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Diệu Y.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D và yêu cầu được giải quyết về con chung khi ly hôn. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 8, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Y nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh D để tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Diệu Y và anh Lương Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phước vào ngày 27/10/2015, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Y và anh D đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống nên cãi vã thường xuyên. Qua xác minh tại địa phương hiện chị Y và anh D đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn chị Y cho anh một cơ hội để về đoàn tụ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa chị Y và anh D vẫn không được giải quyết, chị Y vẫn nhất quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không mong muốn cùng anh D đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc. Điều này cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Y và anh D đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 tuyên xử cho chị Y được ly hôn với anh D.

[3.2] Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh D là người trực tiếp nuôi cháu Linh và qua xác minh tại địa phương cháu Linh vẫn được chăm sóc tốt, đi học đầy đủ. Anh D có công việc và nơi ở ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu Linh. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh D thống nhất giao cháu Linh cho anh D nuôi. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Hà Linh, sinh ngày: 03/5/2016 cho chị anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi; anh D không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Diệu Y được ly hôn với anh Phạm Lương Đình D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hà L, sinh ngày: 03/5/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Y không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Huỳnh Thị Diệu Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0006849 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND P. Long Phước;
- (số 126 ngày 27/10/2015)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Tịnh**



